

Bản án số: 555/2024/HSPT
Ngày: 20/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các thẩm phán: Ông Trần Đức Kiên

Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Hòa Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 481/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo **Trần T** và các đồng phạm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2024/HSST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2027/2024/QĐXXPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. **Trần T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20 tháng 9 năm 1999 tại Quảng Trị; Nơi cư trú: **Khóm D, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần P**, sinh năm 1976 và bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1977; có vợ là **Nguyễn Thị Vân A**, sinh năm 1998 (Chưa đăng ký kết hôn), hiện đang xuất khẩu lao động; con: **Nguyễn Thị An N**, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 06/5/2016, bị Toà án nhân dân huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị xử phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo về tội: “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 23/4/2019, bị Toà án nhân dân huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị xử phạt 12 tháng tù về tội: “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Ngày 26/02/2020, bị Toà án nhân dân huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị xử phạt 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”

Bị cáo đã chấp hành xong các Bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/01/2024. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Đoàn Anh D**, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1992 tại Quảng Bình; Nơi cư trú: **Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đoàn Ngọc L**, sinh năm 1965 và bà **Lê Thị L1**, sinh năm 1970; Vợ: **Trương Thị N1**, sinh năm 1998; con: **Đoàn Vượng P1**, sinh năm 2023; Tiền án: 01 (Ngày 28/11/2019 bị Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử phạt 05 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 29/3/2009 bị **Công an huyện Q** xử phạt vi phạm hành chính 75.000 đồng;

- Ngày 17/6/2009 bị **UBND huyện Q**, tỉnh Quảng Bình ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi Trộm cắp tài sản;

- Ngày 18/4/2014 bị Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 tháng tù về tội : “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 06/9/2014 bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 30 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 16/01/2015 bị Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 15 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 17/01/2018 bị **Công an huyện T**, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc;

- Ngày 27/9/2019 bị **Công an thị xã B**, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000 đồng về hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ mà không có giấy phép.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/01/2024. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Võ Quốc M** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/01/1996 tại tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú: **Khóm D, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ Quốc H**, sinh năm 1958 và bà **Trương Thị T2**, sinh năm 1963; Vợ: **Lê Thị Thủy T3**, sinh năm 1996; có 02 con: Lớn nhất 08 tuổi, nhỏ nhất 07 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/01/2024. Có mặt tại phiên tòa.

4. **Lê Hải N2** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 26/8/1990 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: **Phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; nơi ở hiện tại: **Khóm D, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn T4** (đã chết), con bà **Trần Thị T5** (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/01/2024. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:**

- Người bào chữa cho bị cáo **Trần T**: Luật sư **Trần Văn Đ – Văn phòng L3, Đoàn Luật sư tỉnh Q**. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Đoàn Anh D**: Luật sư **Lê Hồng M1 – Trung tâm tư vấn pháp luật , Đoàn Luật sư tỉnh Q**. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Võ Quốc M**: Luật sư **Trương Thanh T6 – Trung tâm tư vấn pháp luật , Đoàn Luật sư tỉnh Q**. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà **Đoàn Thị Mỹ H1**, sinh năm 1988; Địa chỉ: **Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**. Vắng mặt.

- Bà **Trương Thị N1**, sinh năm 1998; Địa chỉ: **Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**. Có mặt.

- Anh **Trần Tiến H2**, sinh năm 2002; Địa chỉ: **TDP T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/01/2024, **Cao Ngọc D1**, sinh năm 2006, trú tại **thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình** gọi điện thoại cho **Trần T**, sinh năm 1999, trú tại **Khóm**

D, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị để hỏi mua 2.700.000 đồng ma túy hồng phiến mục đích để sử dụng và bán lại kiếm lời, T đồng ý và hẹn lúc nào ra Quảng Bình sẽ mang ma túy ra cho D1, đồng thời nhờ D1 giới thiệu người mua ma túy cho T, D1 đồng ý và đã giới thiệu để Đoàn Anh D liên hệ với T để mua ma túy. Ngày 20/01/2024, khi Trần T, Trương Văn T7, Võ Quốc M cùng trú tại thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị đang ngồi chơi tại khu di tích nhà tù Lao Bảo, thuộc khóm D, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị thì Đoàn Anh D gọi điện cho T hỏi mua 05 tấm ma túy hồng phiến (khoảng 30.000 viên). T đồng ý vào báo giá cho D biết 01 tấm ma túy hồng phiến (khoảng 6.000 viên) có giá 45.000.000 đồng, 05 tấm ma túy hồng phiến có tổng số tiền là 225.000.000 đồng. Do không có tiền để mua ma túy nên T yêu cầu D chuyển trước cho T 130.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ thanh toán khi giao nhận ma túy, D đồng ý, nhưng sợ sau khi chuyển tiền T sẽ cầm tiền bỏ trốn nên D yêu cầu T cho một người của T ra ở lại nhà của D để làm tin. T đồng ý và nói với Trương Văn T7 ra nhà D ở lại làm tin, để D chuyển tiền mua ma túy.

Khoảng 18 giờ ngày 20/01/2024, T7 đi xe khách từ Quảng Trị ra nhà D, trước khi đi Võ Quốc M đưa cho T7 một chiếc điện thoại di động để liên lạc; T đưa cho T7 02 viên ma túy hồng phiến cầm ra cho D xem để lấy lòng tin. Khi T7 ra đến Ba Đồn thì không có người đón nên T7 báo cho T biết, rồi tìm nhà nghỉ để ngủ. T gọi điện thoại cho D nhưng không liên lạc được, nên T gọi điện thoại cho Cao Ngọc D1 nhờ D1 liên lạc với D, D1 gọi điện cho D nhưng cũng không được nên đã gọi điện cho Hồ Sỹ D2, sinh năm 2006, trú tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình nhờ Dương nhắn lại với D. Đến chiều ngày 21/01/2024, D điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát (BKS) 73A-296.27 chở D2 đi đón T7, sau đó D, T7 đi đến một tiệm vàng trên thị xã B, D đưa cho T7 số tiền 130.000.000 đồng nhờ T7 chuyển vào số tài khoản 3901205122667, Ngân hàng A1 của T, sau khi chuyển tiền xong thì đi về nhà của D đợi T mang ma túy ra giao dịch. D nói với D2 trông giữ T7 kéo T7 bỏ trốn thì D sẽ mất tiền cọc mua ma túy.

Sau khi nhận được tiền, T sang biên giới Lào gặp một người tên V ở bản K, huyện S-pôn, L2 mua 05 tấm ma túy hồng phiến, V đồng ý bán cho T với giá 125.000.000 đồng và hẹn khoảng 20 giờ ngày 21/01/2024 sẽ giao ma túy cho T tại nghĩa địa C thuộc thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị, T giao cho V số tiền 125.000.000 đồng rồi đi về nhà. Đến khoảng 20 giờ ngày 21/01/2024 T đến nghĩa địa C để nhận ma túy, khi đến nơi T thấy có 05 gói nilon (dạng hình hộp chữ nhật) T biết là 05 tấm ma túy T đặt mua nên cầm đưa về nhà. Về đến nhà, T mở 01 gói lấy ra 01 túi nilon màu xanh và lấy 15 viên để sử dụng, rồi bỏ lại như

cũ và giao toàn bộ số ma túy trên cho **Võ Quốc M** để đóng gói gửi xe khách ra tỉnh Quảng Bình. **T** sẽ lên xe khách đi cùng số ma túy đó để đi giao cho **D**. Quá trình đóng gói **Mận** thấy có 01 tấm ma túy đã bị rách nên lấy ra 01 túi nilon màu xanh, mở ra kiểm tra thấy bên trong có chứa 130 viên ma túy hồng phiến, trong đó có 129 viên màu hồng và 01 viên màu xanh, biết viên màu xanh là viên giữ ẩm, không phải là ma túy nên **M** đã vứt đi và cất dấu 129 viên ma túy hồng phiến với mục đích vừa sử dụng vừa bán lại kiếm lời.

Khoảng 06 giờ 22 phút ngày 22/01/2024, **T** gọi điện cho **M** nói đưa số ma túy đã đóng gói ra **bến xe L** gửi xe khách ra Quảng Bình. Khoảng 10 phút sau **M** mang bao tải xanh bên trong có chứa 01 buồng chuối và ma túy đến bến xe thuộc **thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị** gửi cho xe khách **Dũng M2** chạy tuyến **L-Đ-V1** và nhắn tin cho **T** là đã gửi lên xe khách **Dũng M2**, sau đó **T** ra xe đón xe khách **Dũng M2** đi từ **xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị đến thị xã B, tỉnh Quảng Bình**. Đến khoảng 11 giờ 20 phút ngày 22/01/2024, khi xe đến Cây xăng dầu vật tư gần ngã tư **Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình** thì **T** xuống xe, đồng thời nhân viên **nhà xe D5 M2** bốc từ xe xuống 01 bao lác màu xanh đựng buồng chuối và ma túy để bên lề đường cho **T**, **T** gọi điện thoại cho **D** đến đón. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày **D** điều khiển xe ô tô BKS 73A-296.27 màu đen chở theo **T7** đi đón **T**; **D** nói với **Hồ Sỹ D2** chạy xe mô tô BKS 73K1-273.93 đi trước xe ô tô của **D** để dò đường nhằm phát hiện các chốt kiểm tra của lực lượng chức năng thì báo lại cho **D**, **D2** đồng ý và điều khiển xe mô tô chạy trước dò đường cho **D**. Khi **D** đến gặp **T**, **T** bê bao lác màu xanh, bên trong có buồng chuối và ma túy lên xe ô tô của **D**, rồi **D** chở tất cả về nhà **D**. Lúc ở trên xe **T** nói với **D** là thiếu 01 gói ma túy khoảng 200 viên, Duy trừ lại bao nhiêu tiền thì trừ, mục đích là **T** có ý định lấy lại 01 gói ma túy hồng phiến để bán lại cho **Cao Ngọc D1**. Trên đường đi về thì **D** dừng xe lại trước nhà chị **Đoàn Thị Mỹ H1** (là chị ruột của **D**) ở **thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**, **D** mở cổng đi vào, **T** xuống theo và mang bao lác màu xanh bên trong có chứa ma túy đi theo **D**, **T7** đứng ở ngoài đợi. **T** và **D** đi lên tầng 2, rồi **D** mở bao lác màu xanh ra, bên trong có 01 bao lác màu trắng chứa 01 buồng chuối và ma túy hồng phiến, **D** lấy ma túy ra kiểm tra rồi cất dấu phía trong song sắt cửa sổ tầng 2 nhà ở của chị **Đoàn Thị Mỹ H1**, rồi lấy viên gạch lát nền che lại. Tỷ bê buồng chuối và bao lác màu xanh xuống tầng 1, rồi vứt bao lác màu xanh ở sân nhà và bỏ bao lác màu trắng chứa buồng chuối lên xe ô tô của **D**. Sau đó, **D**, **T**, **T7** đi về nhà **D** để giao nhận số tiền còn lại, khi vừa đến nhà **D** thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang, thu giữ 05 gói nilon màu vàng (dạng hình hộp chữ nhật), bên trong chứa 30 túi màu hồng và 119 túi màu xanh, chứa tổng cộng 29.502 viên nén hình tròn màu hồng và 298 viên nén hình tròn màu xanh.

Tiến hành khám xét chỗ ở của Đoàn Anh D tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã phát hiện và thu giữ 02 viên nén hình tròn màu hồng và số tiền 73.000.000 đồng. D khai nhận 02 viên nén nói trên là ma túy do Trương Văn T7 đưa ra cho D xem hàng, T khai nhận 02 viên nén ma túy hồng phiến đã mua từ lâu để sử dụng còn lại nên giao cho Trương Văn T7 đưa ra cho D xem hàng để tạo lòng tin, T không nhớ mua khi nào, của ai. Việc T đưa ma túy cho T7 thì M không biết.

Đối với 129 viên ma túy hồng phiến Võ Quốc M lấy ra từ 05 tấm ma túy hồng phiến trong quá trình đóng gói, M khai nhận đã bán cho Lê Hải N2, trú tại khóm D thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị 08 viên với giá 200.000 đồng, số còn lại M đã sử dụng hết.

Lúc 11 giờ 30 ngày 23/01/2024, cơ quan CSĐT công an thị xã B đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Hải N2 tại khóm D, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị đã thu giữ 08 viên nén hình tròn màu hồng, 01 mảnh giấy kèm màu bạc và 02 vỏ chai nhựa trong suốt, trên thân mỗi chai có gắn một đoạn ống tre.

Ngày 25/01/2024, Phòng K công an tỉnh Q có bản kết luận giám định số 145/KL-KTHS, kết luận:

- 29.502 viên nén hình tròn màu hồng thu giữ trong quá trình bắt người phạm tội quả tang là chất ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 2.870,18 gam;

- 02 viên nén hình tròn màu hồng thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đoàn Anh D là chất ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,199 gam;

- 298 viên nén hình tròn màu xanh thu giữ trong quá trình bắt người phạm tội quả tang không phải là chất ma túy.

Ngày 25/01/2024, Phòng K công an tỉnh Q có bản kết luận giám định số 149/KL-KTHS kết luận: 08 viên nén hình tròn màu hồng thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của Lê Hải N2 là chất ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,759 gam;

Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, Số thứ tự: 247, Danh mục II Nghị định số 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Ngày 26/01/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã B ra quyết định trưng cầu giám định dấu vết đường vân trên các mẫu vật thu giữ trong quá trình bắt quả tang Trần T, Đoàn Anh D và Trương Văn T7;

Ngày 06/6/2024, [Phòng K công an tỉnh Q](#) có bản kết luận giám định số 229/KL-KTHS, kết luận: Dấu vết đường vân phát hiện được trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (01 vỏ bao gói màu vàng, dạng hình hộp chữ nhật, kích thước 20,5 x 12 x 4,3 cm) so với dấu vân tay in ở ô “Út trái” trên mẫu so sánh (dấu vân tay của [Đoàn Anh D](#)) ký hiệu M1 là cùng một người.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng, gồm:

- 1) Tổng cộng gồm 29.512 (Hai mươi chín nghìn năm trăm mười hai) viên nén hình tròn màu hồng và 298 (Hai trăm chín mươi tám) viên nén hình tròn màu xanh;
- 2) 01 xe ô tô biển kiểm soát 73A-296-27, nhãn hiệu BMW, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong;
- 3) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng, Số IMEI: 357218091443686, gắn thẻ sim 0355173999, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;
- 4) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9T, màu đen, số IMEI 1: 867906050160969; số IMEI 2: 867906050160977, gắn thẻ sim số 0867009597 và số 0763549689 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;
- 5) 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S, màu xanh, số IMEI: 865222045930132, gắn thẻ sim số 0708713307 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;
- 6) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone loại 8 Plus, Số IMEI: 356714086585888, gắn thẻ sim 0352838149 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;
- 7) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon XS Max, màu vàng gold, Số IMEI 1: 357273097815098; Số IMEI 2: 357273098036132, màu sau lưng máy bị nứt vỡ, không gắn thẻ sim;
- 8) 01 xe mô tô biển kiểm soát 73K1-273.93, nhãn hiệu Honda SH125I, màu đen, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong;
- 9) 01 thẻ nhớ nhãn hiệu HIKVISION, màu đen, dung lượng lưu giữ tối đa 32 GB, được tháo ra từ mắt camera giám sát nhãn hiệu EZVIZ (Thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của chị [Đoàn Thị Mỹ H1](#));
- 10) 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Vietmap, màu đen, dung lượng lưu giữ tối đa 32 GB, được tháo ra từ mắt camera giám sát hành trình nhãn hiệu Vietmap, loại

KC01, màu đen (Thu giữ trong quá trình khám xét xe ô tô BKS 73A-296.27 của [Đoàn Anh D](#));

11) Tiền [Ngân hàng N3](#) 73.000.000 đồng (Bảy mươi ba triệu đồng);

12) 01 bao tải lác màu xanh-đỏ, bên ngoài vỏ bao có nhiều chữ nước ngoài và dòng chữ “chưa bắt tên”; 01 bao tải lác màu trắng-xanh, bên ngoài vỏ bao có nhiều chữ và có dòng chữ “ THỰC PHẨM CHĂN NUÔI CAO CẤP”; 01 mảnh giấy kẽm màu bạc; 02 vỏ chai nhựa trong suốt, trên thân mỗi chai có gắn một đoạn ống tre.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2024/HSST ngày 28/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo [Trần T](#), [Đoàn Anh D](#), [Võ Quốc M](#), [Trương Văn T7](#), [Cao Ngọc D1](#), [Hồ Sỹ D2](#) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo [Lê Hải N2](#) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo [Trần T](#): Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo [Trần T](#) để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo [Đoàn Anh D](#): Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo [Đoàn Anh D](#) để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo [Võ Quốc M](#): Tù chung thân. Tiếp tục tạm giam bị cáo [Võ Quốc M](#) ngày để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo [Cao Ngọc D1](#): 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (23/01/2024). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo [Trương Văn T7](#) 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (22/01/2024). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo [Hồ Sỹ D2](#) 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (23/01/2024).

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê Hải N2** 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (23/01/2024). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/9 và ngày 09/9/2024 các bị cáo **Trần T**, **Lê Hải N2**, **Đoàn Anh D** và **Võ Quốc M** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 22/01/2024, **Trần T**, **Võ Quốc M**, **Trương Văn T7**, **Hồ Sỹ D3** và **Đoàn Anh D** đã liên lạc, trao đổi với nhau để mua bán ma túy loại hồng phiến Methamphetamine. **T**, **M**, **T7** đã có hành vi bán cho **Đoàn Anh D** 29.502 viên ma túy hồng phiến loại Methamphetamine, có khối lượng 2.870,18 gam với số tiền 225.000.000 đồng; đưa cho **Trương Văn T7** 02 viên ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,199 gam để Tâm giao cho **Đoàn Anh D** với mục đích chào hàng; **Võ Quốc M** đã lấy 08 viên ma túy Methamphetamine mà **T** đưa cho **M** có khối lượng 0,759 gam để bán cho **Lê Hải N2**. Tổng khối lượng ma túy mà **Trần T** mua bán là 2.871.138 gam;

- **Võ Quốc M** đã có hành vi cùng với **Trần T**, **Trương Văn T7** bán cho **Đoàn Anh D** 29.502 viên ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 2.870,18 gam với số tiền 225.000.000 đồng, bán cho **Lê Hải N2** 08 viên ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,759 gam. Tổng khối lượng ma túy mà **Võ Quốc M** mua bán là 2.870,939 gam;

- **Trương Văn T7** đã có hành vi cùng với **Trần T**, **Võ Quốc M** bán cho **Đoàn Anh D** 29.502 viên ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 2.870,18 gam với số tiền 225.000.000 đồng, đưa cho **Đoàn Anh D** 02 viên ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,199 gam. Tổng khối lượng mà **Trương Văn T7** đã mua bán là 2.870,379 gam;

- **Đoàn Anh D** đã có hành vi mua của **Trần T** 29.502 viên ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 2.870,18 gam và cất dấu 02 viên ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,199 gam với số tiền 225.000.000 đồng mục đích bán lại kiếm lời. Tổng khối lượng mà **Đoàn Anh D** đã mua bán là 2.870,379 gam;

- **Cao Ngọc D1** đã có hành vi giới thiệu, móc nối để **Trần T** và **Đoàn Anh D** mua bán 29.502 viên ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 2.870,18 gam; ngoài ra vào ngày 18/01/2024 **Cao Ngọc D1** đã đặt mua của **Trần T** 2.700.000 đồng ma túy, mục đích bán kiếm lời, **T** chưa kịp giao ma túy cho **D1** thì bị bắt.

- **Lê Hải N2** có hành vi tàng trữ 08 viên ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,759 gam.

Với hành vi và số lượng ma túy mua bán, tàng trữ trái phép nêu trên, án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo **Trần T**, **Đoàn Anh D**, **Võ Quốc M** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo **Lê Hải N2** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo **Trần T**, **Lê Hải N2**, **Đoàn Anh D** và **Võ Quốc M**; nhận thấy:

- Các bị cáo **Trần T**, **Đoàn Anh D**, **Võ Quốc M** bị truy tố, xét xử về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình; số lượng ma túy mà bị cáo mua bán là đặc biệt lớn, gấp trên 28 lần mức khởi điểm của khung hình phạt; án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, để xử phạt bị cáo **Trần T**, **Đoàn Anh D**: Tử hình; **Võ Quốc M**: Tù chung thân, là phù hợp, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm. Các bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đặc biệt nào mới. Do đó không có căn cứ để giảm hình phạt; giữ nguyên mức án của tòa án sơ thẩm đã tuyên.

- Đối với bị cáo **Lê Hải N2** bị truy tố, xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 1 năm đến 5 năm; bị cáo tàng trữ ma túy trái phép có khối lượng 0,759 gam là gấp 7 lần mức khởi điểm, nên án sơ thẩm xử phạt bị cáo 18 tháng tù là phù hợp, không nặng. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Do đó không có căn cứ để chấp nhận; giữ nguyên mức án của tòa án sơ thẩm đã tuyên.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần T, Lê Hải N2, Đoàn Anh D** và **Võ Quốc M**; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Trần T**: Tử hình, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo **Trần T** để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Đoàn Anh D**: Tử hình, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo **Đoàn Anh D** để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Võ Quốc M**: Tù chung thân, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 23/01/2024).

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê Hải N2** 18 (Mười tám) tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (23/01/2024).

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày án có hiệu lực, các bị cáo **Trần T, Đào Anh D4** được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2024/HSST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo **Trần T, Lê Hải N2, Đoàn Anh D, Võ Quốc M**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

Đã ký

Nguyễn Văn Tào

